

“PHƯƠNG PHÁP NẪNH GIAI CHỈNH SÁCH NÔNG THAM GIA”

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

I. KHAI NIỆM CHUNG

1. Phương pháp tham gia lao động

1.1. Định nghĩa và lịch sử hình thành khái niệm ,

Cách thức: Chia sẻ thông tin → tổ vấn → hợp tác → trao quyền

1.2. Các điểm chung của phương pháp tham gia:

- so sánh với các phương pháp NCKH khác nhờ phương pháp thông kê dân tộc học...

1.3. Một số đặc điểm chủ yếu tính tạo quyền trong các hình thức tham gia

2. Nền tảng giai cấp sách

2.1. Định nghĩa: khái niệm chính sách và phân loại

- nền tảng giai cấp sách và nền tảng giai cấp nông chính sách

- Những khía cạnh trong nền tảng giai cấp sách: nhiều nhân tố và nhiều chính sách cùng tác động ,

- Các cấp độ (tác động ô nhiễm môi trường, công nghệ và khu vực..., tác động theo từng nhóm nội dung) và khía cạnh trong nền tảng giai cấp sách; (ai , cái gì, tại sao, khi nào và bằng cách nào)

1.2. Tại sao phải nền tảng giai cấp sách?

Nền tảng giai cấp sách và nền tảng giai cấp môi trường

Nền tảng giai cấp sách , xóa bỏ niềm tin nghe và phát triển công nghệ

3. Phương pháp nền tảng giai cấp sách

3.1. Lịch sử phát triển các phương pháp nền tảng giai cấp sách:

- 1930 s top-down, nền tảng, năng lực kinh tế và lợi nhuận (P.E.)

- 1960-70 Chủ yếu nền tảng chất lượng và môi trường (E.I.A)

- Sau 1970 Quan tâm đến an ninh lương thực, cách mạng xanh, công bằng xã hội...(S.I.A)

3.2. Các phương pháp nền tảng giai cấp sách

- phân loại

2.3. Phương pháp phân tích và ma trận phân tích người chịu ảnh hưởng

2.4. Niên cữu:

2.5. Câu hỏi và vấn đề cần thảo luận

3. NÀNH GIA ÌNÔNG THÔN ÑÔNG THAM GIA (Participatory Rural Appraisal – PRA)

3.1. Ñịnh nghĩa và cách thức tham gia

3.2. Các nguyên tắc chính : Ñồng tham gia, mềm dẻo, tính tập thể (team work); tôn trọng và hệ thống

3.3. Các kỹ thuật chính : phỏng vấn/ thảo luận, biểu đồ phân hạng, phân tích khuynh hướng,

3.4. Hạn chế

3.5. Niên cữu

4. PHÖÔNG PHÁP SÁNG KIẾN (SARAR)

4.1. Ñịnh nghĩa: phương pháp trao quyền cho người dân địa phương tham gia ñánh giá ở mọi cấp ñoã

4.2. Các nguyên tắc: Self-esteem, Associative strength, Resourcefulness, Action planing, Responsibility

4.3. Kỹ thuật: bích trồng, bản đồ phân tích giới...

4.4. .Niên cữu:

4.5. Câu hỏi và vấn đề cần thảo luận

5. NÀNH GIA ÌNGÖÔI HÖÔNG LÖI : (Beneficiary assessment)

5.1. Ñịnh nghĩa:

và các ñặc ñiểm chính: cân bằng lợi ích và chất, hệ thống những linh hoạt, hành ñộng cụ thể ñể ñánh giá, nhận ra quyết ñịnh

5.2. Kỹ thuật:

quan sát ñồng tham gia (chọn mẫu), phỏng vấn trực tiếp, thảo luận nhóm ñại diện

5.3. .Niên cữu:

5.4. Câu hỏi và vấn đề cần thảo luận

6. PHÂN TÍCH GIÖI (Gender Analysis)

6.1. Ñịnh nghĩa

a. Một số khái niệm cơ bản trong phân tích giới

b. Tại sao cần phân tích giới

6.2 Kỹ thuật và công cụ phân tích giới

- Phân công lao động

- Các loại việc làm

- Tiếp cận và kiểm soát

- Nhu cầu về giới

- Mô hình quyết định...

6.3. .Niên cữu:

6.4..Câu hỏi và vấn đề cần thảo luận

7. *NHANH GIAI TAIC NÔNG MÔI TRƯỜNG (EIA)*

III. CÁC KỸ THUẬT NHANH GIAI NÔNG THAM GIA

1. Xử lý các tài liệu thời cấp

2. Quan sát trực tiếp

3. Phòng vấn ban đầu trực

4. Phân hạng (Preference Ranking)

5. Phân hạng theo cặp (Pairwise Ranking.)

6. Phân hạng ma trận (Direct Matrix Ranking.)

7. Phân hạng sức khỏe (Wealth Ranking.)

8. Bản đồ (Map)

9. Biểu đồ di chuyển (Mobility Map)

10. Mặt cắt (transects)

11. Lịch thời vụ (seasonal calendar)

12. Biểu đồ lịch sử (historical profile)

13. Biểu đồ di chuyển (daily routine diagram)

14. Phân tích sinh kế (livelihood analysis)

15. Biểu đồ hóa (Flow diagram)

16. Sơ đồ Venn(Venn diagram)
17. Chia bánh (Pie Chart)
18. Thảo luận nhóm phân tích(Analysis Group Discussion)
19. Tục ngữ(Proverbs)-Tổn vinh bách khoa đa ngành
20. Nghiên cứu (Case Study)
21. v.v